

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST.
Ngày: 14 - 7 - 2020.
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng;
2. Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thuần, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/6/2020 và 14/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2019/TLST-DS ngày 30/12/2019 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 04/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2020/QĐST-DS ngày 24/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1983, chủ hộ kinh doanh Vật tư nông nghiệp B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Nguyễn Tấn T, sinh năm 1958, là người đại diện theo ủy quyền

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn B, sinh năm 1965;

Trần Thị X, sinh năm 1982 (vợ của ông B).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T có mặt, bà X và ông B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Nguyễn Tấn T trình bày: Ngày 10/10/2016, ông Nguyễn Văn B có mua và nợ tiền vật tư nông nghiệp cùng khoản nợ vay với tổng số tiền 25.600.000đồng, đồng ý lãi suất 2%/tháng và hứa 01 tháng trả, sau đó đến ngày 17/11/2016 bà Trần Thị X là vợ ông B trả 10.600.000đồng của khoản nợ mua vật tư nông nghiệp và viết biên nhận nợ vay số tiền 15.600.000đồng với lãi suất 2%/tháng, hứa 02 tháng trả 1.000.000đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng đến nay vẫn không trả vốn và lãi.

Theo biên nhận nợ ngày 17/11/2016 do bà X viết nên đã khởi kiện yêu cầu ông B, bà X trả số tiền nợ mua vật tư nông nghiệp là 15.600.000đồng và tiền lãi theo quy định nhà nước là 1,6%/tháng cho đến khi xong vụ án, nhưng thực tế bà X đã trả nợ chỉ còn khoản nợ vay 15.000.000đồng, nên tại phiên tòa, ông T chỉ yêu cầu ông B, bà X cùng liên đới trả nợ vay số tiền 15.000.000đồng và đồng ý giảm mức lãi suất còn 01%/tháng tính từ ngày 17/11/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể: $15.000.000đ \times 01\%/tháng \times 43 \text{ tháng} = 6.450.000đ$, tổng cộng gốc và lãi là 21.450.000đồng.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thị X trình bày: thừa nhận có nợ cửa hàng vật tư nông nghiệp số tiền 15.000.000đồng, số tiền này trước đây chồng bà là ông B có thiếu nợ của cửa hàng là 25.600.000đồng, đã trả 10.600.000đồng, từ ngày viết biên nhận (ngày 17/11/2016) đến nay không có trả tiền. Qua yêu cầu của nguyên đơn thì đồng ý trả số tiền nợ vay gốc là 15.000.000đồng, yêu cầu được xin tiền lãi vì hiện gia đình rất khó khăn.

- Đối với ông Nguyễn Văn B: từ khi Tòa án thụ lý đến ngày xét xử không có mặt và cũng không cung cấp tờ khai, ý kiến gì qua yêu cầu của nguyên đơn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định, riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Trong vụ án này, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật “Hợp đồng mua bán” là chưa chính xác nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật là “Hợp đồng vay tài sản”, Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông B, bà X có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn thiếu cho bà H

là 15.000.000đồng và lãi suất 1% tháng tính từ ngày 16/11/2016 đến ngày xét xử và tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật đến khi thi hành án xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự và bị đơn có địa chỉ tại huyện Tam Nông, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận đây là khoản nợ vay chứ không phải nợ mua vật tư nông nghiệp, sự thừa nhận phù hợp với nội dung của biên nhận ngày 17/11/2016 do phía bị đơn viết “Có hỏi 7 R 15.600.000đồng, đồng ý lãi 2 phần trăm một tháng”. Do đó cần điều chỉnh quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản.

- Xét thấy, đây là hợp đồng vay được xác lập trước ngày Bộ luật 2015 có hiệu lực, đáng lý phải căn cứ vào Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết nhưng do giao dịch đang được thực hiện và có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để xử lý trong vụ án này là phù hợp quy định tại Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015.

[2] Tại phiên tòa, ông T là người đại diện của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu số tiền nợ vay là 15.000.000đồng và giảm mức lãi suất yêu cầu chỉ còn 01%/tháng, là có lợi cho phía bị đơn, nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy: tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà X thừa nhận nợ 15.000.000đồng, do trước đây chồng bà nợ 25.600.000đồng nhưng đã trả 10.600.000đồng nên đồng ý trả số tiền nợ vay gốc này, còn tiền lãi thì yêu cầu nguyên đơn giảm do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Như vậy, trong vụ án này, bà X thì thừa nhận nợ, còn ông B thì không có ý kiến phản đối những tài liệu, tình tiết mà phía nguyên đơn đưa ra. Do đó căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết không phải chứng minh, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi nợ vay số tiền 15.000.000đồng.

Về lãi suất: tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu 01%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên chấp nhận.

Về thời gian tính lãi: nguyên đơn yêu cầu từ ngày viết biên nhận nợ (ngày 17/11/2016) đến khi xét xử (ngày 14/7/2020) là trên 43 tháng nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 43 tháng, là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Do đó, ông B, bà X có trách nhiệm liên đới trả cho chị H, chủ hộ kinh doanh Vật tư nông nghiệp B số tiền nợ gốc 15.000.000đồng và tiền lãi 6.450.000đồng, tổng cộng 21.450.000 đồng.

[4] Từ nhận định trên, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông B, bà X có trách nhiệm trả tiền thì phải chịu án phí là 1.072.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 688 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị X có trách nhiệm liên đới trả 21.450.000đồng tiền nợ vay, trong đó nợ gốc: 15.000.000đồng, tiền lãi 6.450.000đồng cho chị Nguyễn Thị Mỹ H, chủ hộ kinh doanh Vật tư nông nghiệp B.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/7/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị X phải liên đới nộp 1.072.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị H 622.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (do ông Nguyễn Tấn T nộp thay) theo biên lai thu số BH/2018/0005783 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Tam Nông;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Trí Viễn